

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)
Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Bùi Hà	Phương	TLA010880	4	26.25		26.25
2	Phạm Khánh	Hoà	TTB002358	2	24.00	1.5	25.50
3	Lê Tú	Anh	BKA000358	4	24.75		24.75
4	Nguyễn Thảo	Nguyễn	HHA010294	1	24.25	0.5	24.75
5	Bùi Thị Vũ	Hoa	THV004696	2	22.75	1.5	24.25
6	Lê Tùng	Linh	TDV016613	1	22.25	2.0	24.25
7	Hoàng Thị Hải	Yến	HDT030331	1	23.75	0.5	24.25
8	Nguyễn Thị Kim	Anh	TDV000927	1	23.75	0.5	24.25
9	Nguyễn Thị Thúy	Vân	SPH019290	1	24.25		24.25
10	Nguyễn Thúy	Hạnh	SPH005408	3	24.00		24.00
11	Lê Kiều	Minh	TLA009169	3	24.00		24.00
12	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	SPH011408	2	24.00		24.00
13	Trương Thị	Vui	TLA015743	2	23.00	1.0	24.00
14	Nguyễn Hồng	Hạnh	HHA004201	4	23.25	0.5	23.75
15	Đỗ Thùy	Linh	TDV016293	3	23.25	0.5	23.75
16	Vũ Trường	Anh	TLA001373	3	23.25	0.5	23.75
17	Hồ Thị Bảo	Uyên	TDV035518	2	22.50	1.0	23.50
18	Tạ Thị Hồng	Hải	TND006773	2	23.00	0.5	23.50
19	Nguyễn Diệu	Hoa	THV004742	1	20.00	3.5	23.50
20	Nguyễn Ngọc	Linh	SPH009831	1	23.50		23.50
21	Phạm Xuân	Trường	SPH018261	3	23.25		23.25
22	Lê Thị Bằng	Giang	TQU001305	2	21.75	1.5	23.25
23	Bùi Thị Phương	Anh	YTB000159	1	22.25	1.0	23.25
24	Phạm Thị Phương	Anh	SPH001370	4	23.00		23.00
25	Trịnh Thị Diệu	Linh	HDT014905	3	22.50	0.5	23.00
26	Nguyễn Như	Vân	DCN012998	1	22.50	0.5	23.00
27	Đặng Việt	Hà	HHA003669	1	23.00		23.00
28	Phạm Thủy	Tiên	THV013353	3	21.25	1.5	22.75
29	Hà Thị Ngọc	Mai	THV008379	2	22.25	0.5	22.75

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)
Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Nguyễn Hà	Anh	TLA000602	2	22.75		22.75
31	Bùi Ngọc	Anh	TND000104	1	19.25	3.5	22.75
32	Đỗ Ngọc Thuỷ	Dương	KHA001994	1	22.75		22.75
33	Nguyễn Nguyệt	ánh	SPH001794	1	22.75		22.75
34	Lê Hoàng Yến	Nhi	HDT018560	1	22.25	0.5	22.75
35	Ngô Diệu	Linh	TTB003514	2	21.00	1.5	22.50
36	Phạm Ngô Bảo	Ngọc	TND018121	2	22.00	0.5	22.50
37	Đào Tường	Chi	SPH002348	2	22.50		22.50
38	Phạm Thùy	Dung	NLS001628	2	21.00	1.5	22.50
39	Nguyễn Hồ Hoàng	Yến	HDT030383	1	21.00	1.5	22.50
40	Nguyễn Thảo	My	THV008838	1	21.00	1.5	22.50
41	Nông Đức	Minh	SPH011485	1	21.50	1.0	22.50
42	Trần Cao ánh	Dương	HHA002782	4	22.25		22.25
43	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	TLA015918	3	20.75	1.5	22.25
44	Lê Thị Lan	Hương	HDT012130	2	21.25	1.0	22.25
45	Ngô Thị	Nhàn	BKA009759	2	21.25	1.0	22.25
46	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	TND016029	1	18.75	3.5	22.25
47	Trần Thùy	Trang	SPH017842	1	21.75	0.5	22.25
48	Ngô Thu	Hiên	SPH005905	1	22.25		22.25
49	Trần Huyền	Trang	LNH009903	1	18.75	3.5	22.25
50	Phan Cẩm	Tú	HVN011598	3	21.00	1.0	22.00
51	Nguyễn Huy	Long	HVN006271	2	21.50	0.5	22.00
52	Nguyễn Kim	Chi	TLA001883	2	22.00		22.00
53	Nguyễn Thị Trâm	Anh	KHA000487	2	22.00		22.00
54	Trần Thị	Thúy	TDV030758	2	21.50	0.5	22.00
55	Hoàng Vân	Anh	THP000307	2	21.00	1.0	22.00
56	Nguyễn Thị Phương	Hằng	TND007425	1	18.50	3.5	22.00
57	Huỳnh Phương	Ngân	KHA007040	1	22.00		22.00
58	Vũ Thị	Xuân	THP017019	1	21.50	0.5	22.00

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)
Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Hoàng Hồng	Huệ	THV005302	4	18.25	3.5	21.75
60	Tô Thị Xuân	Thanh	TLA012242	3	21.75		21.75
61	Nguyễn Kim	Anh	LNH000323	3	20.25	1.5	21.75
62	Trần Tiến	Đạt	SPH003993	2	21.75		21.75
63	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	YTB018328	2	20.75	1.0	21.75
64	Lê Thị Thu	Hoài	TDV011294	2	20.25	1.5	21.75
65	Lê Thị Thanh	Hằng	THV004031	2	20.25	1.5	21.75
66	Nguyễn Thị	Linh	HDT014490	2	20.75	1.0	21.75
67	Nguyễn Thị Thu	Hà	YTB006049	1	20.75	1.0	21.75
68	Phạm Thị Việt	Mỹ	TDV019752	1	20.25	1.5	21.75
69	Đỗ Thị	Hằng	HDT007761	1	20.75	1.0	21.75
70	Lê Đại	An	SPH000022	1	18.25	3.5	21.75
71	Nguyễn Phương	Linh	BJA007595	1	21.75		21.75
72	Hoàng Hải	Ly	TND015644	1	20.25	1.5	21.75
73	Nguyễn Thị Phương	Thảo	THV012240	3	20.00	1.5	21.50
74	Nguyễn Thị	Linh	LNH005370	3	21.00	0.5	21.50
75	Nguyễn Phương	Anh	BJA000546	3	21.50		21.50
76	Bùi Ngọc Minh	Châu	LNH000919	2	18.00	3.5	21.50
77	Nguyễn Ngọc	Anh	YTB000683	2	21.00	0.5	21.50
78	Hoàng Thị	Hằng	TND007292	2	18.00	3.5	21.50
79	Trịnh Thị Phương	Anh	HDT020299	1	21.00	0.5	21.50
80	Phạm Thu	Trang	HHA014774	1	20.00	1.5	21.50
81	Dương Thị Thanh	Mai	THV008356	1	20.00	1.5	21.50
82	Lê Đình	Hiệp	TLA004967	1	21.50		21.50
83	Phạm Thị Hồng	Nhung	HDT018961	1	18.00	3.5	21.50
84	Phan Thị	Phương	BJA010481	1	20.25	1.0	21.25
85	Vi Thị Kim	Ngân	THV009296	1	20.75	0.5	21.25
86	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	SPH009919	2	21.00		21.00
87	Nguyễn Hoàng	Hiếu	SPH006304	1	21.00		21.00

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 4

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Lương Ngọc	Ly	TND015672	1	17.50	3.5	21.00
89	Nguyễn Thị Minh	Anh	HDT001116	1	20.50	0.5	21.00
90	Nguyễn Phương	Trang	TLA014066	3	20.75		20.75
91	Vũ Ngọc	Mai	YTB014139	2	19.75	1.0	20.75
92	Phạm Thị Ngọc	Phượng	SPH013964	2	20.75		20.75
93	Dương Thị Mỹ	Linh	HDT013796	1	20.25	0.5	20.75
94	Lê Thị Thảo	Linh	BKA007469	1	20.75		20.75
95	Lê Đức	Mạnh	BKA008509	1	20.75		20.75
96	Bùi Thị Ngọc	Trâm	HDT027311	1	19.75	1.0	20.75
97	Nguyễn Thùy	Dung	TND003779	2	19.00	1.5	20.50
98	Nguyễn Hà	Thủy	SPH016585	2	20.50		20.50
99	Ninh Ngọc	Anh	KQH000636	1	19.50	1.0	20.50
100	Lê Thu	Hà	HDT006724	1	19.50	1.0	20.50
101	Phạm Huyền	Cơ	TLA002178	1	20.50		20.50
102	Hà Thuý	Hoa	HHA005072	2	19.75	0.5	20.25
103	Đỗ Thị Linh	Trang	SPH017310	1	20.25		20.25
104	Trần Quỳnh	Châu	KHA001131	1	19.75	0.5	20.25
105	Dương Đức	Anh	BKA000119	1	20.25		20.25
106	Mai Thực	Anh	HDT000865	3	19.50	0.5	20.00
107	Hồ Minh	Anh	SPH000347	2	20.00		20.00
108	Trần Diệp	Anh	SPH001462	2	20.00		20.00
109	Lại Thanh	Nga	HHA009721	1	19.50	0.5	20.00
110	Nguyễn Thùy	Tiên	TND025492	1	19.50	0.5	20.00
111	Nguyễn Thu	Trang	HDT026990	1	18.75	1.0	19.75
112	Nguyễn Thị Hoài	Thương	TDV031055	1	19.25	0.5	19.75
113	Nguyễn Thị	Hà	THP003838	1	19.00	0.5	19.50
114	Trần Thị	Khá	YTB011172	3	18.00	1.0	19.00
115	Nguyễn Thị Phương	Hoa	TND008807	2	17.50	1.5	19.00
116	Trần Minh	Hằng	KHA003290	4	18.25	0.5	18.75

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 5

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Bùi Thu	Thủy	HVN010237	4	18.75		18.75
118	Vũ Thị Thu	Trang	NLS013364	3	16.75	1.5	18.25
119	Nguyễn Hồng	Điệp	TND005166	2	14.75	3.5	18.25

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU